

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày 23-7-2024
“V/v tranh chấp kiện đòi tài
sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Đức Khoa
- Ông Hoàng Đức Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Hà, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 và ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 263/TB-TA ngày 11/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đông, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 19, đường 25/10, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/11/2023); Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 2, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Văn Phúc, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 4/595 phố Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 27/5/2024); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai của ông Nguyễn Hữu V yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu V trình bày:

Ngày 21/01/2019, Ông Nguyễn Hữu V cho ông Vũ Ngọc T vay tiền với tổng số tiền là 200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền đề cùng ngày do bị đơn tự tay viết và ký với mục đích giúp bị đơn xoay sở công việc riêng của bị đơn và hẹn đến ngày 21/5/2019 sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên. Đến thời điểm 21/5/2019, bị đơn đã không trả lại cho nguyên đơn theo thống nhất thỏa thuận cho đến hiện nay mặc dù nguyên đơn đã liên lạc, yêu cầu trả lại nhiều lần.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Ngọc T:

Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Ngọc T thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền gốc vay là 200.000.000 đồng và lãi suất vay là 10%/năm đối với số ngày chậm trả tiền vay kể từ ngày chậm thanh toán là 21/01/2019 cho đến ngày xét xử. Nguyên đơn không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác. Nguyên đơn không yêu cầu được nhận các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập.

Bà Ngô Thị Nga sinh ngày 10/02/1988; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tây, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là vợ của nguyên đơn trình bày:

Trước đây, anh Vũ Ngọc T là bạn thân của chồng bà, cuối năm 2018 bị đơn làm ăn khó khăn, nợ nần nên đã nhờ chồng bà cho vay tiền để trang trải khó khăn, nợ nần. Bà có được nguyên đơn cho biết nhưng không tham gia vào việc vay mượn trên, bà xác định đây là việc riêng giữa chồng bà với bị đơn. Do vậy, bà đã đề nghị Tòa án không đưa bà vào làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho chồng bà theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án: Giấy vay tiền ngày 21/01/2019 do bị đơn tự viết và ký xác nhận; Bản sao Biên bản làm việc của Công an xã Thủy Triều về giải quyết tố cáo của nguyên đơn đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của bị đơn; tập văn bản phô tô từ Messenger; zalo; tin nhắn thể hiện trao đổi, nói chuyện giữa hai bên.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn trình bày:

Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của pháp luật, cụ thể tại: Điều 116;117;463 và Điều 466; 468 của Bộ luật Dân sự công nhận giữa hai bên đang phát sinh Hợp đồng cho vay tiền và tranh chấp về Hợp đồng vay tiền và yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày giao kết là ngày 21/01/2019 cho đến thời điểm xét xử ngày 23/7/2024 với mức lãi suất là 10 % trên số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian chậm thanh toán, cụ thể tiền lãi là: 110.000.000 đồng. Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cả tiền nợ gốc lẫn lãi là: **310.000.000** đồng.

Về yêu cầu tính thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng vay tài sản của bị đơn: Theo điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự, nguyên đơn xác định ngày 03/10/2022 là thời điểm bắt đầu tính lại thời hiệu đối với Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên và không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về thời điểm bắt đầu thời hiệu là ngày 21/5/2019 với lý do: Bị đơn thay đổi diện thoại, số điện thoại nhiều lần, thay đổi nhiều tài khoản mạng xã hội và không ở nơi thường trú xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, nguyên đơn đã tìm bị đơn nhiều lần nhưng không gặp và được gia đình cung cấp cho số điện thoại có đuôi "...555" vào ngày 26/9/2022 khi nguyên đơn xuống xã Thủy Triều.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các chứng cứ thu thập được số 152/TB-TA ngày 03/5/2024 và bị đơn không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án. Bị đơn cũng được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ số 97 ngày 15/3/2024 để chứng minh cho các quan điểm của mình nhưng không có ý kiến, quan điểm gì cũng như chưa có tài liệu, chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án làm căn cứ chứng minh cho mình cho đến hiện tại.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không bổ sung gì thêm và đề nghị Tòa án xác định Hợp đồng vay tài sản vẫn còn thời hiệu giữa các bên.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày như sau :

Tại Bản tự khai đề ngày 20/11/2023 bị đơn có quan điểm: Bị đơn thừa nhận năm 2019 nguyên đơn có cho bị đơn vay 200.000.000 đồng với thỏa thuận 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, việc thỏa thuận thống nhất lãi suất này không thể hiện trên Giấy vay tiền. Trong thời gian vay, bị đơn có thanh toán cho vợ chồng nguyên đơn là 60.000.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt là số tiền lãi. Hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình vô cùng khó khăn và có nguyện vọng

mong muốn được thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng bằng hình thức trả dần với khả năng của mình là mỗi tháng trả 100.000 đồng/tháng cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày việc vay nợ giữa hai bên không liên quan gì đến vợ của bị đơn, vợ của bị đơn không biết được việc vay nợ này, bị đơn vay tiền là vào mục đích chi tiêu riêng của bị đơn, không liên quan đến vợ bị đơn và đề nghị không đưa vợ của bị đơn vào làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn yêu cầu HĐXX áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng vay tiền giữa hai bên và thời điểm tính thời hiệu bắt đầu là ngày 21/5/2019 là ngày hết hạn của Hợp đồng vay tiền bởi Hợp đồng không có thỏa thuận về lãi, mức lãi suất và bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ bắt đầu từ ngày 21/5/2019 đồng thời rút quan điểm cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn 60.000.000 đồng tiền nợ lãi với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày với lý do bị đơn có nhiều Hợp đồng vay nợ tiền, thời gian đã lâu nên nhớ nhầm. Cho đến thời điểm ngày 20/4/2023 nguyên đơn mới khởi kiện bị đơn ra Tòa án để đòi tiền nợ nên thời điểm cuối cùng tính thời hiệu là ngày 20/4/2023 là đã vượt quá 03 năm theo quy định của pháp luật đối với Hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn chỉ có duy nhất một số điện thoại 0936.960.242 theo Bút lục số 53 có trong hồ sơ vụ án, còn số điện thoại khác không phải của bị đơn. Mặt khác, toàn bộ dữ liệu nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa bao gồm USB, tập tài liệu phô tô các liên hệ tin nhắn giữa hai chủ tài khoản điện tử, bị đơn không chấp nhận các tài liệu này là chứng cứ vì không rõ nguồn gốc, không xác định được thời điểm, địa điểm, không có xác định của cơ quan có thẩm quyền chuyên môn theo quy định của pháp luật và không xác định được chủ tài khoản điện tử này là của ai. Do vậy, đối với yêu cầu tiền nợ gốc của nguyên đơn, bị đơn nhận trách nhiệm có nghĩa vụ thanh toán, đối với yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn bị đơn không chấp nhận vì đã hết thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng vay tiền là 03 năm.

Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án: Bản sao: căn cước công dân của ông Nguyễn Hữu V và bản sao Biên bản xác minh nơi cư trú của người bị kiện; Giấy vay tiền đề ngày 21/01/2019 có chữ ký của ông Vũ Ngọc Phương. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp thêm: Bản sao Biên bản làm việc của Công an xã Thủy Triều về giải quyết tố cáo của nguyên đơn đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của bị đơn; tập văn bản phô tô từ Messenger; zalo; tin nhắn thể hiện trao đổi, nói chuyện giữa hai chủ tài khoản điện tử và 01 USB nhãn hiệu Kingston 2 GB chứa nội dung các cuộc nói chuyện, trao đổi giữa hai chủ tài khoản điện tử liên quan đến nội dung đòi nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các chứng cứ thu thập

được số 152/TB-TA ngày 03/5/2024, Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ số 97 ngày 15/3/2024 và bị đơn không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án, không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để làm căn cứ cho các quan điểm trình bày của mình.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày lý do yêu cầu tính lãi chậm trả khác với quan điểm trong phiên họp công khai chứng cứ là do đánh máy nhầm và không đọc kỹ, quan điểm và yêu cầu của nguyên đơn là nhất quán như yêu cầu lãi tại phiên tòa.

Trong vụ án này: Lời trình bày của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc 200.000.000 đồng và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà nguyên đơn giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, bị đơn thừa nhận có giao dịch dân sự vay tiền với số tiền nợ gốc vào năm 2019 là 200.000.000 đồng và hiện chưa trả số tiền nợ gốc này nên sự kiện này được hai bên thống nhất là sự thật nên không cần phải chứng minh theo Điều 92, 93 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để tính thời hiệu khởi kiện cho Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên, cụ thể: Đối với tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng thì không áp dụng thời hiệu theo Điều 155; Đối với tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn thì đề nghị HĐXX áp dụng thời hiệu, thời điểm tính thời hiệu từ ngày 21/5/2019 nên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn đối với bị đơn tính đến ngày xét xử 23/7/2024 là: 110.000.000 đồng.

Đối với quan điểm nguyên đơn về thời điểm bắt đầu lại thời hiệu là ngày 03/10/2022 là không có căn cứ, cơ sở nên đề nghị HĐXX không chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của pháp luật; 164; 165; 166..của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại 200.000.000 đồng tiền nợ gốc cho nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là buộc bị đơn phải trả 110.000.000 đồng tính đến ngày xét xử 23/7/2024. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, các bên đương sự cùng xác nhận không còn tài liệu chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Hữu V có thỏa thuận cho ông Vũ Ngọc T vay tiền có viết Giấy giấy vay tiền, không có thỏa thuận về mức lãi suất và đưa ra kế hoạch, phương thức trả nợ vào ngày 21/5/2019 và đây là Hợp đồng vay không có lãi có xác định thời hạn trả nợ, đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện việc trả nợ ông Vũ Ngọc T đã không thực hiện theo đúng thỏa thuận. Ngày 24/4/2023 ông Nguyễn Hữu V có đơn kiện đòi nợ ông Vũ Ngọc T tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng gửi qua đường bưu điện đề ngày 20/4/2023. Ngày 03/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thụ lý vụ án “Tranh chấp về kiện đòi tài sản”, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn cố tình trốn tránh thực nghĩa vụ trả nợ, thời điểm thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật giữa hai bên là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản, tại thời điểm xét xử bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng vay tiền giữa hai bên nên Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX) xác định đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền cho vay theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 33, Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Về thời hiệu: Bị đơn yêu cầu HĐXX áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng vay tiền giữa hai bên. Tính đến ngày mở phiên tòa, HĐXX đã ra Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 229/2024/QĐ-CCCC ngày 25/6/2024 đối với hai bên. Tuy nhiên đến ngày mở lại phiên tòa ngày 23/7/2024, nguyên đơn chỉ cung cấp thêm được 01 USB nhãn hiệu Kingston 2 GB chứa nội dung các cuộc nói chuyện, trao đổi giữa hai tài khoản điện tử, tin nhắn giống với tập văn bản phô tô từ các tài khoản Messenger, zalo, tin nhắn... giữa hai người mà nguyên đơn cung cấp trước đây, không thể hiện, chứng minh, xác định được những tài khoản ấy có chủ tài khoản là ông Nguyễn Hữu V và ông Vũ Ngọc T với nhiều Avata tên gọi chủ tài khoản và số điện thoại khác nhau, không có thiết bị điện tử đầu cuối gốc để xác thực nội dung cũng như chủ tài khoản điện tử, messenger, zalo... Mặt khác, trong nội dung của USB cũng như tập văn bản phô tô không xác định được ngày cụ thể cuộc nói chuyện, trao đổi liên quan đến đòi nợ giữa hai bên. Chỉ có duy nhất 02 file mềm không rõ chủ tài khoản cụ thể như sau: 01 file thể hiện trao đổi nói chuyện vào ngày 15/4/2019 còn 01 file thể hiện trao đổi nói chuyện vào ngày 28/9/2022 và trả lời vào ngày 03/10/2022.

Bị đơn yêu cầu Tòa án tính thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng vay tiền giữa hai bên vào ngày 29/01/2019 có hạn Hợp đồng là vào ngày 21/5/2019. Như vậy, HĐXX xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu là ngày 21/5/2019. Do vậy, đến ngày 21/5/2022 là Hợp đồng vay tiền giữa các bên hết thời hiệu khởi kiện về yêu cầu tính lãi chậm trả nên HĐXX nhận định giao dịch vay tài sản giữa hai bên đã hết thời hiệu khởi kiện về yêu cầu tính lãi chậm trả đối với Hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ do các bên đương sự cung cấp như giấy vay nợ ...cùng các chứng cứ khác do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì thể hiện giữa ông Nguyễn Hữu V và bị đơn có phát sinh giao dịch vay nợ tiền với số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 200.000.000đồng, bị đơn thống nhất còn nợ 200.000.000đồng tiền nợ gốc chưa trả cho nguyên đơn, nhưng có ý kiến với thỏa thuận 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, việc thỏa thuận thống nhất lãi suất này không thể hiện trên Giấy vay tiền. Trong thời gian vay, bị đơn có thanh toán cho vợ chồng nguyên đơn là 60.000.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt là số tiền lãi. Hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình vô cùng khó khăn và có nguyện vọng mong muốn được thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng bằng hình thức trả dần với khả năng của mình là mỗi tháng trả 100.000 đồng/tháng cho nguyên đơn nhưng không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án làm căn cứ chứng minh cho quan điểm của mình mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như Yêu cầu cung cấp chứng cứ..bị đơn vẫn không có phản hồi gì. Tại phiên tòa, bị đơn rút quan điểm này, cho nên HĐXX nhận định nội dung trong quan hệ vay tài sản giữa hai bên là không có thỏa thuận lãi, mức lãi suất và bị đơn chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn.

Do vậy, HĐXX nhận định bị đơn chưa thực hiện đúng theo thỏa thuận giữa các bên tại các Hợp đồng vay tài sản vào ngày 21/01/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn 200.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền nợ gốc trên và tiền lãi chậm trả do thực hiện nghĩa vụ trả nợ tài sản theo Điều 468 Bộ luật Dân sự từ thời điểm 21/01/2019 cho đến ngày xét xử. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ quy định tại các Điều 471 và Điều 474..... của Bộ luật dân sự thì yêu cầu của ông Nguyễn Hữu V buộc ông Vũ Ngọc T phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng và nghĩa vụ chậm trả do thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự từ thời điểm nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án là ngày 24/4/2023 nguyên đơn đã gửi thông qua dấu của Bưu điện cho đến ngày xét xử tổng cộng là:

01 năm 02 tháng 29 ngày tính ra tiền chậm trả cho nghĩa vụ chậm trả tài sản là: $(01 \text{ năm} \times 10\% + 02 \text{ tháng} \times 10/12 \% + 29 \text{ ngày} \times 10/12/30 \%) \times 200.000.000 \text{ đồng} = 24.944.444 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ và tiền do nghĩa vụ chậm trả tài sản cho nguyên đơn tính đến ngày 23/7/2024 tổng cộng là: 224.944.444 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, thì bị đơn ông Vũ Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền là 224.944.444 đồng, **cụ thể là: 224.944.444 đồng x 5% = 11.247.222 đồng.**

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí do không được chấp nhận là: Do nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả 10%/năm kể từ ngày 21/01/2019 cho đến ngày 23/7/2024 tổng cộng cụ thể số tiền nguyên đơn yêu cầu là:

110.000.000 đồng. Do vậy số tiền mà HĐXX nhận định không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là: 110.000.000 đồng -24.944.444 đồng =85.055.556 đồng.

Do vậy, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là: 85.055.556 đồng x 5%= **4.252.777** đồng. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008921 ngày 03/11/2023 là 5.000.000 đồng, do đó khấu trừ nghĩa vụ nộp tiền án phí của nguyên đơn cụ thể là: 5.000.000 đồng-**4.252.777** đồng = 747.222 đồng. Cho nên cần trả lại cho nguyên đơn 747.222 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008921 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91,92, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 159 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011.

Áp dụng các Điều 255, 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 429, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu V:

Buộc ông Vũ Ngọc T phải trả cho ông Nguyễn Hữu V số tiền là 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và số tiền chậm trả do thực hiện nghĩa vụ chậm trả nợ tài sản theo Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự từ thời điểm 24/4/2023 cho đến ngày xét xử tổng cộng là: 24.944.444 đồng, tổng cộng là 224.944.444 đồng .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền là **11.247.222** đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là: $85.055.556 \text{ đồng} \times 5\% = 4.252.777 \text{ đồng}$. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008921 ngày 03/11/2023 là 5.000.000 đồng, do đó khấu trừ nghĩa vụ nộp tiền án phí của nguyên đơn cụ thể là: $5.000.000 \text{ đồng} - 4.252.777 \text{ đồng} = 747.222 \text{ đồng}$. Cho nên cần trả lại cho nguyên đơn 747.222 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008921 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THA huyện Thủy Nguyên;
- Viện kiểm sát huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân